

THÔNG TƯ

Quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

- Hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép.
- Việc thông báo thông tin về cấp Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh.
- Tên, trụ sở chính.
- Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự.
- Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát.
- Hồ sơ, trình tự chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

7. Vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu phần vốn góp.
8. Điều kiện nhận chuyển nhượng phần vốn góp.
9. Nội dung, thời hạn, địa bàn hoạt động.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tài chính vi mô.
2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giấy phép là Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.

2. Cuộc họp thành viên sáng lập là cuộc họp của các thành viên sáng lập, có nhiệm vụ:

a) Thông qua dự thảo Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô và danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) nhiệm kỳ đầu tiên;

b) Bầu Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị từ những thành viên tham gia góp vốn là những người trong Danh sách dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) nhiệm kỳ đầu tiên và một số thành viên khác để triển khai các công việc liên quan đến chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô;

c) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập tổ chức tài chính vi mô.

3. Cuộc họp thành viên góp vốn đầu tiên là cuộc họp của các thành viên sáng lập và các thành viên góp vốn khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc việc thành lập, có nhiệm vụ:

a) Thông qua Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô;

b) Bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) nhiệm kỳ đầu tiên theo danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;

c) Thông qua các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành

viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô;

d) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập tổ chức tài chính vi mô.

4. Khách hàng tài chính vi mô bao gồm các đối tượng sau:

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, cá nhân thuộc hộ nghèo, cá nhân thuộc hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật;

b) Cá nhân có thu nhập thấp, bao gồm:

(i) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động ở khu vực đô thị có mức thu nhập bình quân tối đa 09 triệu đồng/tháng tại thời điểm đề nghị vay vốn;

(ii) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động ở khu vực nông thôn có mức thu nhập bình quân tối đa 07 triệu đồng/tháng tại thời điểm đề nghị vay vốn;

(iii) Người lao động tự do làm việc không trên cơ sở thuê mướn theo thỏa thuận lao động có mức thu nhập tương ứng mức thu nhập bình quân của đối tượng khách hàng quy định tại điểm b(i) và b(ii) khoản này;

c) Hộ gia đình có thu nhập thấp là hộ gia đình có mức thu nhập bình quân của cá nhân thuộc hộ tương ứng mức thu nhập bình quân của cá nhân có thu nhập thấp theo từng khu vực quy định tại điểm b(i) và b(ii) khoản này;

d) Doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật.

5. Tiết kiệm bắt buộc là số tiền mà khách hàng tài chính vi mô phải gửi theo quy định của tổ chức tài chính vi mô. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được nhận tiết kiệm bắt buộc đối với khách hàng đang có dư nợ cho vay tại tổ chức tài chính vi mô, thời hạn nhận tiền gửi bắt buộc không được vượt quá thời hạn còn lại của khoản vay. Tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm quy định và phải công bố công khai mức tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và mức lãi suất tiết kiệm bắt buộc.

6. Tiền gửi tự nguyện là tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm (không bao gồm tiết kiệm bắt buộc), trừ tiền gửi nhằm mục đích thanh toán của khách hàng tài chính vi mô, tổ chức, cá nhân khác tại tổ chức tài chính vi mô.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định cấp Giấy phép

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô.

Điều 5. Lệ phí cấp Giấy phép

1. Mức lệ phí cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô được thực

hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép, tổ chức tài chính vi mô phải nộp lệ phí tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước. Hình thức nộp lệ phí thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí, hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí.

3. Khoản lệ phí quy định tại khoản 1 Điều này không được khấu trừ vào vốn điều lệ và không được hoàn lại trong mọi trường hợp.

Điều 6. Lập và gửi hồ sơ

1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt, trong đó bản sao giấy tờ, văn bằng, bản dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp giấy tờ trong hồ sơ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì khi nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu theo quy định của pháp luật phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu. Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (Bộ phận Một cửa) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ CẤP GIẤY PHÉP; THÔNG BÁO THÔNG TIN VỀ CẤP GIẤY PHÉP CHO CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Dự thảo Điều lệ tổ chức tài chính vi mô;

c) Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô do Trưởng Ban trụ bị ký, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Sự cần thiết thành lập, mục tiêu hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; tác động xã hội dự kiến của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn;

(ii) Tên tổ chức tài chính vi mô, địa bàn dự kiến hoạt động, địa điểm dự

kiến đặt trụ sở chính, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

(iii) Các sản phẩm và dịch vụ dự kiến sẽ cung cấp cho khách hàng;

(iv) Cơ cấu tổ chức;

(v) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

- Thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng thành viên;

- Thành viên Ban kiểm soát;

- Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

(vi) Dự kiến đầu tư tài chính cho hệ thống công nghệ thông tin và việc áp dụng công nghệ thông tin;

(vii) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, tối thiểu bao gồm nguyên tắc hoạt động, dự thảo các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng, dự thảo quy định về tổ chức, hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

(viii) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau đây: Phân tích thị trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh; các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm);

d) Hồ sơ của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:

(i) Sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh

nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 tháng.

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm có thể xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật;

(iii) Bảng kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

(iv) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam;

(v) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ;

(vi) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Thông tư này;

(vii) Trường hợp người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam;

đ) Điều lệ của chủ sở hữu;

e) Văn bản của chủ sở hữu cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

g) Văn bản của chủ sở hữu về việc thành lập Ban trụ bị, bầu, chỉ định Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:

a) Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế

toán trưởng.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 7 Thông tư này;

c) Danh sách thành viên sáng lập do Trưởng Ban trụ bị ký, trong đó bao gồm các nội dung:

(i) Tên pháp nhân; số Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương; số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của pháp nhân tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và người đại diện vốn góp của pháp nhân đó tại tổ chức tài chính vi mô;

(ii) Mức vốn góp (ghi rõ số vốn bằng đồng Việt Nam và tỷ lệ góp vốn của từng thành viên);

(iii) Phương án góp vốn (nêu rõ phương thức, tiến độ góp vốn);

d) Hồ sơ của thành viên sáng lập, bao gồm:

(i) Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

(ii) Văn bản của các thành viên góp vốn cam kết góp vốn cho tổ chức tài chính vi mô đúng tiến độ, mức vốn góp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp;

(iii) Điều lệ của pháp nhân tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô;

(iv) Văn bản ủy quyền người đại diện phần vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

(v) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của pháp nhân tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô và người đại diện vốn góp của pháp nhân đó tại tổ chức tài chính vi mô;

(vi) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất (báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc báo cáo năm chưa kiểm toán) tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(vii) Báo cáo hoạt động trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của thành viên góp vốn không phải là doanh nghiệp;

(viii) Tài liệu chứng minh đã hoặc đang tham gia quản lý chương trình, dự án tài chính vi mô và hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án đó;

đ) Biên bản Cuộc họp thành viên sáng lập về việc thành lập Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị, thông qua dự thảo Điều lệ, Đề án thành lập tổ chức tài chính vi mô, danh sách các chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát dự kiến.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép:

a) Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Biên bản và Nghị quyết cuộc họp thành viên góp vốn đầu tiên về việc thông qua Điều lệ, bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát;

c) Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu Trưởng Ban kiểm soát;

d) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng.

Điều 9. Trình tự cấp Giấy phép

1. Ban trụ bị lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thành viên sáng lập có thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đối với sự phát triển của địa phương;

c) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập tổ chức tài chính vi mô.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

5. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập tổ chức tài chính vi mô, Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 8 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thì văn bản chấp thuận nguyên tắc không còn giá trị.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

7. Sau khi được cấp Giấy phép, tổ chức tài chính vi mô tiến hành các thủ tục cần thiết để khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thông báo thông tin về cấp Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Trong thời hạn 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động, tổ chức tài chính vi mô được cấp Giấy phép phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính về các điều kiện khai trương hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và ngày dự kiến khai trương hoạt động.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày khai trương hoạt động, tổ chức tài chính vi mô có văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thông báo đã khai trương hoạt động.

3. Trong thời hạn 05 làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của tổ chức tài chính vi mô tại khoản 2 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Mục 2

TÊN, THÀNH VIÊN GÓP VỐN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO VÀ ỦY BAN NHÂN SỰ

Điều 11. Tên, trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô

1. Tên của tổ chức tài chính vi mô phải đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan. Tên của tổ chức tài chính vi mô được đặt phù hợp với hình thức pháp lý, loại hình tương ứng như sau:

a) Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tên riêng;

b) Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn và tên riêng.

2. Trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô phải đáp ứng các quy định về trụ sở chính của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các điều kiện sau:

a) Là nơi làm việc của Hội đồng thành viên, Ban điều hành, được ghi trong Giấy phép theo quy định của pháp luật và được thực hiện giao dịch với khách hàng;

b) Phải ở trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm tên tòa nhà, số nhà, ngách, hẻm, ngõ phố, phố, đường hoặc thôn, xóm, ấp, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có);

c) Tổ chức tài chính vi mô có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp;

d) Đảm bảo thuận tiện giao dịch với khách hàng và có kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

đ) Đảm bảo an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

e) Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa trụ sở chính với chi nhánh, phòng giao dịch, giữa chi nhánh quản lý với phòng giao dịch đảm bảo an toàn, bảo mật và yêu cầu báo cáo, thống kê.

Điều 12. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự

1. Hội đồng thành viên phải thành lập Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của hai Ủy ban này. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, tổ chức tài chính vi mô phải gửi các quy định nội bộ này cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

2. Cơ cấu tổ chức của hai Ủy ban do Hội đồng thành viên quyết định nhưng mỗi Ủy ban phải có tối thiểu hai thành viên, Trưởng ban là thành viên Hội đồng thành viên. Một thành viên Hội đồng thành viên chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban. Trưởng ban và các thành viên khác của hai Ủy ban do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm theo Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

3. Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ủy ban tối thiểu gồm các nội dung sau đây:

a) Quy chế làm việc:

(i) Số lượng thành viên của Ủy ban và trách nhiệm của từng thành viên;

(ii) Các kỳ họp định kỳ của Ủy ban;

(iii) Việc họp bất thường của Ủy ban;

(iv) Việc đưa ra quyết định của Ủy ban;

b) Nhiệm vụ, chức năng của các Ủy ban:

(i) Đối với Ủy ban quản lý rủi ro:

- Tham mưu cho Hội đồng thành viên trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Ủy ban liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô;

- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của tổ chức tài chính vi mô trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn, dài hạn;

- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của tổ chức tài chính vi mô để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng thành viên về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;

(ii) Đối với Ủy ban nhân sự:

- Tham mưu cho Hội đồng thành viên về quy mô và cơ cấu Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của tổ chức tài chính vi mô;

- Tham mưu cho Hội đồng thành viên xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh liên quan đến các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô;

- Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng thành viên trong việc ban hành các quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với người điều hành, cán bộ, nhân viên của tổ chức tài chính vi mô.

Mục 3

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng thành viên

Thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Không phải là người đang quản lý, điều hành của chương trình, dự án tài chính vi mô; của tổ chức phi chính phủ đang thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

3. Có đạo đức nghề nghiệp.

4. Có trình độ từ đại học trở lên.

5. Có một trong các điều kiện sau đây:

a) Có ít nhất 02 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng;

b) Có ít nhất 03 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật;

c) Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức

tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

Điều 14. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Có đạo đức nghề nghiệp.

3. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có trình độ từ trung cấp trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô.

4. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 15. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng giám đốc (Giám đốc)

Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Không phải là người đang quản lý, điều hành của chương trình, dự án tài chính vi mô; của tổ chức phi chính phủ đang thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

3. Có đạo đức nghề nghiệp.

4. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật.

5. Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc ít nhất 02 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc ở vị trí quản lý (từ Trưởng bộ phận trở lên) trong lĩnh vực tài chính vi mô hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính (bao gồm cả lĩnh vực tài chính vi mô), ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

6. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 16. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh

1. Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 và Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng; Kế toán trưởng không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng; Giám đốc chi nhánh không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Có một trong các điều kiện sau đây:

a) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 02 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính (bao gồm cả lĩnh vực tài chính vi mô), ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

3. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Kế toán trưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

Mục 4

**CHẤP THUẬN DANH SÁCH DỰ KIẾN NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC BẦU,
BỔ NHIỆM LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, THÀNH
VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) TỔ CHỨC
TÀI CHÍNH VI MÔ**

Điều 17. Về đánh giá có đạo đức nghề nghiệp đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô

1. Những người thuộc một trong các trường hợp sau đây được coi là không có đạo đức nghề nghiệp:

a) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra, kiểm tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm

an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

b) Người có tên tại kết luận thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

c) Người bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính hoặc 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

d) Người phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn, phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật nêu tại kết luận thanh tra, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước mà kiến nghị liên quan đến các vi phạm đó chưa được khắc phục, chỉnh sửa.

2. Nhân sự dự kiến không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các quy định như sau:

a) Nhân sự dự kiến đã, đang công tác tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Nhân sự dự kiến phải đáp ứng các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do tổ chức tài chính vi mô ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ áp dụng đối với tổ chức tài chính vi mô.

3. Tổ chức tài chính vi mô nơi nhân sự dự kiến đã, đang công tác có trách nhiệm đánh giá về việc có đạo đức nghề nghiệp đối với nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi nhân sự dự kiến có đề nghị.

Điều 18. Hồ sơ đề nghị chấp thuận

1. Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

- a) Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự;
- b) Danh sách dự kiến nhân sự, trong đó nêu rõ: họ và tên, chức danh hiện tại (tại tổ chức tài chính vi mô và/hoặc doanh nghiệp, tổ chức khác) và chức danh dự kiến bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tài chính vi mô;
- c) Cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm của tổ chức tài chính vi mô (đối với trường hợp đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự giữ chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát). Trong đó, nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng thành viên; số lượng thành viên Ban kiểm soát;
- d) Cam kết nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

2. Văn bản thông qua danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô (đối với nhân sự Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát phải nêu rõ nhiệm kỳ), cụ thể:

- a) Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Văn bản của người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu;
- b) Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:
 - (i) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát: Văn bản cử người tham gia làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát do người đại diện hợp pháp của thành viên góp vốn ký;
 - (ii) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc): Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

3. Sơ yếu lý lịch của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm:

- a) Đối với trường hợp nhân sự có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó phải đầy đủ thông tin về án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về cấm

đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Đối với nhân sự không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài cư trú trước khi đến Việt Nam cấp. Trường hợp người nước ngoài hiện cư trú tại Việt Nam từ đủ 06 tháng trở lên, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp lý lịch tư pháp tại nơi người nước ngoài đang tạm trú.

Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm tổ chức tài chính vi mô nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tối đa 06 tháng.

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm có thể xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật.

5. Bảng kê khai người có liên quan với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Các tài liệu khác chứng minh về việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện nhân sự theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Thông tư này, có thể bao gồm một hoặc một số các tài liệu sau:

a) Các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật trong trường hợp nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm là cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên hoặc là sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô đã từng công tác (nếu có mức vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với tổ

chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật).

7. Văn bản đánh giá của tổ chức tài chính vi mô; của tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã, đang công tác quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 19. Trình tự thực hiện

1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Tổ chức tài chính vi mô phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) danh sách những người được bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính về thông tin liên quan đến người đại diện theo pháp luật của tổ chức tài chính vi mô (nếu có thay đổi) để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 20. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự

Văn bản của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô có hiệu lực trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký.

Mục 5**VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU VỐN GÓP, ĐIỀU KIỆN CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP****Điều 21. Vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô là vốn đã được chủ sở hữu thực cấp hoặc vốn đã được các thành viên góp vốn thực góp và được ghi vào Điều lệ.
2. Chủ sở hữu, thành viên góp vốn không được dùng vốn ủy thác, vốn huy động, vốn vay dưới bất kỳ hình thức nào để góp vốn vào tổ chức tài chính vi mô và phải cam kết, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp.
3. Vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô được góp bằng tiền là đồng Việt Nam.

Điều 22. Tỷ lệ sở hữu vốn góp

1. Tỷ lệ sở hữu vốn góp của tất cả các thành viên góp vốn là tổ chức chính trị - xã hội phải đạt tỷ lệ tối thiểu 25% vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.
2. Tỷ lệ sở hữu vốn góp của các thành viên góp vốn không phải là tổ chức chính trị - xã hội không được vượt quá tỷ lệ sở hữu vốn góp của các tổ chức chính trị - xã hội.
3. Tỷ lệ sở hữu vốn góp của một thành viên góp vốn và người có liên quan tối đa không vượt quá 50% vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

Điều 23. Chuyển nhượng phần vốn góp

1. Việc chuyển nhượng phần vốn góp phải tuân thủ các quy định của Điều 22 Thông tư này, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, thành viên sáng lập chỉ được chuyển nhượng phần vốn góp cho thành viên sáng lập khác với điều kiện đảm bảo các tỷ lệ sở hữu vốn góp quy định tại Điều 22 Thông tư này.
3. Đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, các thành viên góp vốn được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho thành viên góp vốn, pháp nhân khác. Việc chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên đảm bảo:
 - a) Không làm thay đổi hình thức pháp lý của tổ chức tài chính vi mô;
 - b) Ưu tiên chuyển nhượng phần vốn cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ với cùng điều kiện;
 - c) Việc chuyển nhượng phần vốn góp cho pháp nhân khác chỉ được thực hiện khi các thành viên góp vốn còn lại không mua hoặc không mua hết trong

thời hạn 30 ngày kể từ ngày chào bán và được thực hiện theo các điều kiện không ưu đãi hơn các điều kiện chuyển nhượng cho các bên góp vốn còn lại trong tổ chức tài chính vi mô;

d) Pháp nhân khác nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ thành viên phải đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ về điều kiện đối với thành viên sáng lập.

Mục 6

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

Điều 24. Nội dung hoạt động

1. Tổ chức tài chính vi mô được thực hiện các hoạt động huy động vốn sau:

a) Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam dưới các hình thức sau đây:

(i) Tiết kiệm bắt buộc;

(ii) Tiền gửi của tổ chức, cá nhân bao gồm cả tiền gửi tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô, trừ tiền gửi nhằm mục đích thanh toán;

b) Vay, nhận tiền gửi với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức tài chính vi mô được gửi tiền tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam đối với các khách hàng tài chính vi mô để sử dụng vào các hoạt động tạo thu nhập và cải thiện điều kiện sống. Tổ chức tài chính vi mô không được cho vay khách hàng để mua, đầu tư chứng khoán.

Khoản cho vay của tổ chức tài chính vi mô có thể được bảo đảm bằng tiết kiệm bắt buộc, bảo lãnh của nhóm khách hàng tiết kiệm và vay vốn (sau đây gọi là tổ vay vốn) theo quy định của tổ chức tài chính vi mô.

Việc cho vay của tổ chức tài chính vi mô đối với hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình có thu nhập thấp được thực hiện thông qua người đại diện của hộ gia đình. Người đại diện của hộ gia đình là thành viên của hộ gia đình và phải được các thành viên của hộ gia đình ủy quyền đại diện bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

4. Tổng dư nợ cho vay của tổ chức tài chính vi mô đối với một khách hàng tài chính vi mô là doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ nghèo, hộ cận nghèo không được vượt quá 100 triệu đồng.

Việc cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu sau:

- a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú hợp pháp tại địa bàn nơi cho vay;
- b) Có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tại xã, phường, thị trấn theo quy định về chuẩn nghèo đa chiều.

5. Tổng dư nợ cho vay của tổ chức tài chính vi mô đối với một khách hàng tài chính vi mô là cá nhân thuộc hộ nghèo, cá nhân thuộc hộ cận nghèo, cá nhân có thu nhập thấp, hộ gia đình có thu nhập thấp không được vượt quá 50 triệu đồng.

6. Khách hàng là cá nhân thuộc hộ nghèo, cá nhân thuộc hộ cận nghèo, người lao động tự do theo quy định tại điểm b(iii) khoản 4 Điều 3 Thông tư này và hộ gia đình có thu nhập thấp chỉ được thực hiện cho vay thông qua tổ vay vốn và thuộc danh sách được tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương các cấp phê duyệt hoặc giới thiệu cho tổ chức tài chính vi mô.

7. Tổ chức tài chính vi mô được mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tổ chức tài chính vi mô không được mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

8. Đại lý bảo hiểm theo quy định sau:

a) Khi Giấy phép mà Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tài chính vi mô có nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm thì tổ chức tài chính vi mô được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

b) Khi thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm, tổ chức tài chính vi mô phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và quy định của pháp luật.

9. Tổ chức tài chính vi mô được thực hiện một số hoạt động kinh doanh khác theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 130 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 25. Quy định nội bộ có nội dung về cho vay

Tổ chức tài chính vi mô phải xây dựng quy định nội bộ có nội dung về cho vay đối khách hàng quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 24 Thông tư này, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

1. Các tiêu chí để xác định khách hàng là người lao động tự do theo quy định tại điểm b(iii) khoản 4 Điều 3 Thông tư này. Tổ chức tài chính vi mô tham khảo quy định về cá nhân sinh sống trên địa bàn tại các đơn hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn; mức thu nhập thường xuyên không phải đóng thuế thu nhập cá nhân; mức thu nhập bình quân đầu người hằng tháng của hộ gia đình; mức thu nhập bình quân đầu người theo vùng/khu vực; mức lương tối thiểu theo vùng, miền do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố và các tiêu chí khác có liên quan để xây dựng, ban hành tiêu chí về khách hàng là người lao động tự do.

2. Quy định cụ thể về tổ vay vốn, trong đó phải tối thiểu có các nội dung sau:

- a) Mục đích thành lập tổ vay vốn;
- b) Số lượng thành viên tham gia tổ vay vốn; trong đó số lượng thành viên một tổ vay vốn tối thiểu là 05 tổ viên và tối đa là 60 tổ viên, cư trú hợp pháp theo địa bàn dân cư thuộc đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;
- c) Chế độ hoạt động tổ vay vốn bao gồm tối thiểu các nội dung sau:
 - (i) Sinh hoạt định kỳ: tối thiểu hằng tháng;
 - (ii) Số lượng tổ viên tối thiểu tham gia sinh hoạt định kỳ;
- d) Quy trình bình xét, lựa chọn tổ viên để giải ngân vốn vay;
- đ) Tiêu chuẩn, điều kiện của người đứng đầu tổ vay vốn;
- e) Quyền lợi, trách nhiệm của người đứng đầu và thành viên của tổ vay vốn;
- g) Quan hệ của tổ vay vốn với chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội.

3. Quy trình xét duyệt cho vay và giải ngân vốn vay.

4. Quy trình kiểm soát, quản lý, giám sát để bảo đảm việc sử dụng tiền vay đúng mục đích.

Điều 26. Thời hạn hoạt động và địa bàn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô được ghi trong Giấy phép tối đa không quá 50 năm.

2. Địa bàn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô được quy định trong

Giấy phép.

3. Tổ chức tài chính vi mô thực hiện mở rộng mạng lưới hoạt động ra ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 27. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Làm đầu mối thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép; trình Thống đốc xem xét, quyết định cấp Giấy phép, chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô.

2. Thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của tổ chức tài chính vi mô trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét các vấn đề có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

4. Xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

Điều 28. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh

1. Thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của đơn vị trực thuộc của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia ý kiến với Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

3. Kiểm tra, chỉ đạo, giám sát tổ chức tài chính vi mô thực hiện và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước trước khi tiến hành khai trương hoạt động và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về điều kiện và tình hình tiến hành khai trương hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra tổ chức tài chính vi mô có hoạt động trên địa bàn trong việc thực hiện quy định tại Thông tư này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức tài chính vi mô đã thành lập và hoạt động theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không

phải đề nghị cấp lại Giấy phép và không phải điều chỉnh lại thành viên góp vốn.

2. Đối với các hợp đồng cho vay được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết, tổ chức tài chính vi mô và khách hàng khác được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng cho vay hoặc sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại Thông tư này.

3. Hợp đồng, thỏa thuận nhận tiền gửi tiết kiệm (bao gồm cả tiền gửi tự nguyện và tiết kiệm bắt buộc) được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tài chính vi mô và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng, thỏa thuận. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng, thỏa thuận chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Thông tư này.

4. Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tài chính vi mô được bầu, bổ nhiệm trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Khoản 6 Điều 24 và Điều 25 Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2024.

3. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau đây:

a) Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;

b) Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21/8/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Điều 3 Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

Điều 31. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như điều 31;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, TTGSNH3.

**KT.THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đào Minh Tú



Phụ lục số 01

**Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp
thành lập tổ chức tài chính vi mô**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số /20.. /TT-NHNN ngày ../../20.. của Thống đốc
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ
chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô;

Căn cứ Biên bản cuộc họp thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở
hữu là (tên tổ chức) ngày... tháng...năm... về việc thành lập tổ chức tài chính vi
mô.....;

Các thành viên sáng lập (hoặc chủ sở hữu) đề nghị Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tài chính vi mô với các
nội dung sau đây:

1. Tên Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt;
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt;
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có);
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có);
- Tên giao dịch (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax,

3. Địa bàn hoạt động:

4. Nội dung hoạt động: (ghi rõ các nội dung đề nghị)

5. Thời hạn hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký doanh nghiệp, đăng ký khai trương và công bố thông tin theo qui định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô.

....., ngày.... tháng..... năm.....

Người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật của các thành viên sáng lập tổ chức tài chính vi mô

(Ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên).

Phụ lục số 02

Mẫu Sơ yếu lý lịch

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu
(4x6) đóng
dấu giáp lai
của cơ quan
xác nhận lý
lịch

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; số vốn góp và tỷ lệ vốn góp (trường hợp thành viên góp vốn là pháp nhân).

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp)).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay⁽¹⁾:

| STT | Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽²⁾ | Đơn vị công tác | Chức vụ | Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao | Ghi chú ⁽³⁾ |
|-----|---|-----------------|---------|---|------------------------|
| | | | | | |

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính⁽⁴⁾.

4. Năng lực hành vi dân sự⁽⁵⁾

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh..... tại Tổ chức tài chính vi mô.....theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong đó, tôi cam kết tuân thủ về việc có đạo đức nghề nghiệp theo quy định tại Điều 17 Thông tư này trong quá trình công tác tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có).

- Thông báo cho Tổ chức tài chính vi mô..... về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang xem xét đề nghị của Tổ chức tài chính vi mô.....

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho tổ chức tài chính vi mô là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁶⁾

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tài chính vi mô về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

(i) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

(ii) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng;

(iii) Đơn vị theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

(4) Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm d và điểm g khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

(5) Ghi cụ thể:

(i) Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(ii) Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

(6) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 03

Mẫu Giấy phép đối với trường hợp thành lập tổ chức tài chính vi mô
(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-NHNN

Hà Nội, ngày... tháng ...năm...

GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số /20../TT-NHNN ngày .../.../20.. của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động tổ chức tài chính vi mô;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Tổ chức tài chính vi mô..... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập Tổ chức tài chính vi mô sau đây:

1. Tên của Tổ chức tài chính vi mô:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:
- Tên viết tắt:
- Địa chỉ trụ sở chính:

2. Chủ sở hữu/các thành viên góp vốn và tỷ lệ vốn góp tại tổ chức tài chính vi mô:

3. Vốn điều lệ:

4. Nội dung, phạm vi hoạt động: (ghi rõ nội dung chấp thuận)

5. Thời hạn hoạt động:

6. Địa bàn hoạt động:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức tài chính vi mô phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Giấy phép tổ chức tài chính vi mô được lập thành 04 (bốn) bản chính: 01 (một) bản cấp cho tổ chức tài chính vi mô; 03 (ba) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm: 01 (một) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 (một) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.....(nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính); 01 (một) bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND Tỉnh/Thành phố ...;
- Bộ Công an;
- Lưu VP, TTGSNH.

THỐNG ĐỐC

Phụ lục số 04

Mẫu Bảng kê khai người có liên quan

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

| STT | Người khai và “người có liên quan” của người khai | Số CMND/số định danh cá nhân/số Hộ chiếu ⁽¹⁾ | Mối quan hệ với người khai ⁽²⁾ | Chức vụ tại tổ chức tài chính vì mô đề nghị |
|-----|--|--|--|---|
| I | Người kê khai | | | |
| 1 | Nguyễn Văn A | | Người khai | |
| II | Người có liên quan | | | |
| 2 | Nguyễn Thị B | | Vợ | |

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày ... tháng ... năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽³⁾

Ghi chú:

(1) Số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

(2) Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định có liên quan để điền vào cột này.

(3) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung tối thiểu nêu trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 05

Mẫu văn bản đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với nhân sự thuộc quản lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG,
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG
NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày tháng năm.....

**VĂN BẢN ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC
NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÂN SỰ THUỘC QUẢN LÝ CỦA
TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi:

- Ông/bà (Họ và tên nhân sự dự kiến đề nghị).....
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của ông/bà (nhân sự dự kiến);

Căn cứ quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) ban hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài..... cung cấp thông tin về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình công tác tại.....(tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) như sau:

I. Thông tin về nhân sự:

1. Nhân sự thứ nhất:

a) Họ và tên (nhân sự dự kiến):

b) Ngày, tháng, năm sinh:

c) Số định danh:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

d) Thời gian công tác: từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm.

đ) Vị trí công tác, nhiệm vụ được giao: thời gian từ tháng/năm đến tháng/năm.

2. Nhân sự thứ hai:

...

II. Thông tin về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

1. Nhân sự thứ nhất:

a) Thông tin chi tiết theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này;

b) Căn cứ quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài..., đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của nhân sự được nêu tại Phần I văn bản này như sau:

Đánh giá về việc đáp ứng “đạo đức nghề nghiệp”:

☐ Đáp ứng ☐ Không đáp ứng

Trường hợp không đáp ứng, nêu lý do.

2. Nhân sự thứ hai:

....

III. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài..... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

..., ngày... tháng... năm....

Người đại diện hợp pháp

(Ký, ghi rõ, họ tên, chức vụ và đóng dấu)